

Bản án số: 55/2024/DS-ST
Ngày 15/8/2024
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hoàng Tha

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2024/TLST-DS ngày 14/6/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-DS ngày 09/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S (sau đây viết tắt là Công ty S); Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lam T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Trung B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt thì nguyên đơn cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Lam T thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Trung B với Công ty S-Chi nhánh S1 ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản số STM240301001NA19X phụ lục hợp đồng kèm theo và giấy mượn xe cùng ngày 01/3/2024, tài sản cầm cố là xe mô tô biển kiểm soát 83Z1-170.62, nhãn hiệu Honda, loại xe Sonic 150R, số khung MH1KB1110KK231966, số máy KB11E1231317 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83000557 do Công an xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2024 cho ông B. Số tiền cầm cố là 9.734.043 đồng, ngày giải ngân là ngày 01/3/2024, mục đích là phục vụ nhu cầu cá nhân, thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 01/3/2024 đến ngày 01/3/2025), lãi suất cầm cố trong hạn là 1,1%/tháng trên dự nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố, hợp đồng cầm cố còn thỏa thuận tiền phí quản lý hồ sơ cố định, phí mượn xe, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí tắt toán hợp đồng trước hạn và chi phí tố tụng. Để đảm bảo cho việc cầm cố tài sản thì Công ty S có đăng ký Giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ thể hiện Cục Q: Giaodichdambao/botuphap theo web <https://dktructuyen.moj.gov.vn> Quá trình trả nợ, ông B chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, ông B không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Tại đơn xin rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết buộc ông B có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc là 9.940.027 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 17/5/2024 là 205.984 đồng cùng tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, sau khi thanh toán xong hết nợ thì công ty sẽ giao trả lại giấy đăng ký xe cho ông B.

Đối với bị đơn là Nguyễn Trung B sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Trung B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, ông B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, còn người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2]. Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung B có nơi cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thanh toán tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng cầm cố tài sản nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Nguyên đơn có đơn xin rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nay chỉ yêu cầu giải quyết ông B có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc là 9.734.043 đồng và tiền lãi trong hạn tính đến ngày 17/5/2024 là 205.984 đồng của hợp đồng cầm cố tài sản cùng tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, việc rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Trung B sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông B nhưng ông B không có ý kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và phiên hòa giải nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy,

[5.1]. Công ty S đã cung cấp Hợp đồng cầm cố tài sản số STM240301001NA19X và phụ lục hợp đồng kèm theo cùng ngày 01/3/2024, phía dưới có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Trung B. Hơn nữa, hợp đồng cũng đã được đăng ký Giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ thể hiện Cục Q: Giaodichdambao/botuphap theo web <https://dktructuyen.moj.gov.vn>

Xét thấy, tại thời điểm xác lập hợp đồng cầm cố tài sản thì các bên tham gia có năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên hợp đồng cầm cố tài sản có hiệu lực từ thời điểm ký kết theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 309, Điều 310 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau khi giao kết hợp đồng nên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.

[5.2]. Sau khi ký kết hợp đồng, thì Công ty S đã giao tiền bằng hình thức chuyển số tiền cầm cố tài sản vào tài khoản số 639683939 tại Ngân hàng M-Chi

nhánh S1 của ông Nguyễn Trung B số tiền là 9.000.000 đồng và giao tiền mặt cho ông B là 734.043 đồng, tổng số tiền giao cho ông B là 9.734.043 đồng thể hiện tại Phiếu chi ngày 01/3/2024 của Công ty S có chữ ký nhận tiền của ông Nguyễn Trung B.

Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì ông B còn nợ tiền gốc là 9.734.043 đồng không toán cho công ty theo thỏa thuận của hợp đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của Phụ lục hợp đồng cầm cố về điều khoản chung cùng ngày 01/3/2024 mà các bên đã ký kết. Do đó, việc Công ty S yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ tại hợp đồng cầm cố tài sản là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5.3]. Về tiền lãi: Theo nội dung Hợp đồng cầm tài sản ngày 01/3/2024 thể hiện mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận ký kết tại hợp đồng cầm cố tài sản là phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên ông B có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ lãi trong hạn cho Công ty S là 205.984 đồng.

Riêng việc Công ty S không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 18/5/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Ngoài ra, nguyên đơn thống nhất trường hợp khi ông B thanh toán xong các khoản nợ thì Công ty S giao trả lại cho ông B bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83000557 do Công an xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2024 cho ông B nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 280; Điều 309; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S đối với bị đơn là ông Nguyễn Trung B về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản ngày 01/3/2024.

Buộc ông Nguyễn Trung B thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền là 9.940.027 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 9.734.043 đồng và tiền nợ lãi trong hạn là 205.984 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty Cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền thì hàng tháng ông Nguyễn Trung B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S về yêu cầu giải quyết kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô biển kiểm soát 83Z1-170.62, nhãn hiệu Honda, loại xe Sonic 150R; màu: đỏ trắng, số khung MH1KB1110KK231966, số máy KB11E1231317 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83000557 do Công an xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2024 cho ông Nguyễn Trung B; tiền phí quản lý hồ sơ cố định là 93.629 đồng, phí mượn xe là 973.404 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 778.723 đồng; phí tất toán hợp đồng trước hạn là 681.383 đồng và chi phí tố tụng là 1.003.366 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S về việc sau khi ông Nguyễn Trung B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Trung B bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83000557 do Công an xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2024 cho ông Nguyễn Trung B đối với xe mô tô biển kiểm soát 83Z1-170.62, nhãn hiệu Honda, loại xe Sonic 150R; màu: đỏ trắng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trung B phải chịu án phí là 497.001 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 338.619 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005470 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

